

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109135076

3. Ngày thành lập: 18/03/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xứ Bờ Dài, Tổ dân phố số 5, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào	0115
6.	Trồng cây lấy sợi	0116
7.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
8.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
9.	Trồng cây hàng năm khác	0119
10.	Trồng cây ăn quả	0121
11.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
12.	Trồng cây điều	0123
13.	Trồng cây hồ tiêu	0124
14.	Trồng cây cao su	0125
15.	Trồng cây cà phê	0126
16.	Trồng cây chè	0127
17.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
18.	Trồng cây lâu năm khác	0129
19.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
20.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
21.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
22.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161

23.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
24.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
25.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
26.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
27.	Khai thác gỗ	0220
28.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
29.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
30.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
31.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
32.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
33.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
34.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
35.	Sản xuất chè	1076
36.	Sản xuất cà phê	1077
37.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
38.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
39.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
40.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
41.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
42.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Không bao gồm động vật, thực vật Nhà nước cấm)	4620
43.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
44.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
45.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
46.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
47.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
48.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
49.	Bán buôn tổng hợp	4690
50.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
51.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ hoạt động đấu giá)	4719
52.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
53.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
54.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
55.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

56.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đầu giá)	4791
57.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đầu giá)	4799
58.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
59.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
60.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
61.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
62.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
63.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
64.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
65.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020
66.	Quảng cáo	7310
67.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
68.	Dịch vụ đóng gói	8292
69.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu nhập khẩu hàng hóa theo quy định pháp luật (Điều 28 Luật Thương mại năm 2005)	8299

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HÀ VĂN GIA	Số 10 tổ dân phố Viên 6, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.000	700.000.000	35,000	013244021	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	70.000	700.000.000	35,000		
2	VĂN VIẾT ĐOÀN	Số 46 tổ dân phố Trù 4, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	30,000	001058000486	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	60.000	600.000.000	30,000		

3	HỒ THÁI KHANH	89 Tuệ Tĩnh , Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.000	700.000.000	35,000	0011840348 15
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	70.000	700.000.000	35,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	--	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VẦN VIẾT ĐOÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/06/1958

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001058000486

Ngày cấp: 01/08/2013

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 46 tổ dân phố Trù 4, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 46 tổ dân phố Trù 4, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội